

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số 253 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 178/2025 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Cao su Huy Anh Phong Điền về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến số 2 cao su Huy Anh Quảng Trị” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 936/TTr-STNMT ngày 25/12/2025.

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Cao su Huy Anh Phong Điền, địa chỉ tại Khe Mạ, phường Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến số 2 cao su Huy Anh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến số 2 cao su Huy Anh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Tân Xuân 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200740977 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp đăng ký lần đầu ngày 08/01/2024.

1.4. Mã số thuế: 3200740977.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến mủ cao su.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Diện tích sử dụng đất là 24.140 m², gồm các hạng mục sau: Xưởng sản xuất: 4.872 m²; Nhà kho: 1.040 m²; Nhà văn phòng: 164,6 m²; Nhà ăn: 160 m²; Nhà ở công nhân, cán bộ: 300 m²; Nhà bảo vệ: 18 m²; Nhà xe: 100 m² và các hạng mục phụ trợ khác: 17485,4 m².

- Quy mô: Dự án nhóm Công nghiệp có tổng mức đầu tư 43.095 triệu đồng, có tiêu chí như Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 14.900 tấn cao su tự nhiên/năm; 10.000 tấn dây thun/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất cao su SVR3L từ mủ cao su: Mủ nước → Tiếp nhận → Lọc/khuấy trộn, pha loãng → Pha trộn hoá chất → Đánh đông → Cán → Cán 1, cán 2, cán 3 → Bấm cốm → Sàn rung → Sấy mủ → Cân ép → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quy trình sản xuất (phối trộn) mủ hỗn hợp: Nguyên liệu đầu vào (SVR3L/SVR10 + SBR1502) → Máy cắt → Máy trộn → Đóng gói thành phẩm (SVR3L/SVR10 (97,5%) + SBR1502 (2,5%)).

+ Quy trình sản xuất dây thun: Nguyên liệu → Máy luyện kín → Máy lưu hoá 1 → Máy lưu hoá 2 → Máy đùn → Lò ống nhôm → Hấp lưu hoá → Máy cắt → Máy đánh bóng → Vào bao.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Cao su Huy Anh Phong Điền

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH MTV Cao su Huy Anh Phong Điền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án theo quy định của pháp luật. /v

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Cam Lộ;
- Công ty TNHH MTV Cao su Huy Anh Phong Điền;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ²⁵³/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ khu vực nhà xưởng sản xuất mũ côm SVR3L.
- Nguồn số 04: Nước thải từ trạm xịt rửa xe.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án, không xả thải ra ngoài môi trường.
- Dòng số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn sau xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án, không xả thải ra ngoài môi trường.
- Dòng số 03 (bao gồm các nguồn số 03, 04, 05): Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, xịt rửa xe và hệ thống xử lý khí thải được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất và vệ sinh công nghiệp, không xả thải ra ngoài môi trường.

* Nước thải sau xử lý tại cơ sở đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, được tuần hoàn 100% để sử dụng cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra môi trường. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án không thuộc đối tượng cấp giấy phép đối với nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Nước thải từ các bể xí, chậu tiểu nhà vệ sinh của Dự án được thu gom theo đường ống UPVC D110 đến bể tự hoại và được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại rồi được đưa về hố ga của hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy bằng ống UPVC D110. Nước thải sau xử lý được đưa về hồ sinh học để tái sử dụng tuần hoàn và không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ nhà ăn chảy qua rọ chắn rác để loại bỏ rác thô, rồi theo đường ống UPVC D110 đến bể tách mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy bằng đường ống UPVC D110 bằng hình thức tự chảy.

- Nước thải từ hoạt động rửa mặt, tay chân, lau sàn,... chảy qua rọ chắn rác để loại bỏ rác thô, theo đường ống thoát nước UPVC D110 cùng với nước thải sau bể tự hoại đến hố ga của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống UPVC D110.

- Nước thải từ khu vực xịt rửa xe: Khu vực xịt rửa xe được bố trí gần với khu vực nhà xưởng sản xuất. Toàn bộ nước thải từ quá trình rửa xe được thu gom chung với nước thải từ quá trình xịt rửa khu vực dây chuyền sản xuất cao su SVR3L.

- Nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất nhà xưởng được tách ra thành 2 đường chảy theo hệ thống các mương, có độ dốc thiết kế $i=2\%$ trong nhà xưởng. Sau đó nước thải được dẫn ra ngoài bằng hệ thống mương hộp M500, tổng chiều dài mương thoát nước sản xuất là 70 m và 2 hố ga (500x500) mm.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải: Nước thải phát sinh được thu gom bằng ống nhựa UPVC D110, chiều dài khoảng 45 m dẫn từ hệ thống xử lý khí thải về bể tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý sơ bộ:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà xưởng sản xuất, khu vực văn phòng → Bể tự hoại (5,0 m³/bể) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn → Song tách rác → Bể tách dầu mỡ 3 ngăn (ngăn 1: (1,5 x 1,5 x 1,5) m; ngăn 2: (1,0 x 1,0 x 1,5) m; ngăn 3: (1,0 x 1,0 x 1,5) m → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ khu vực Nhà xưởng sản xuất mũ côm SVR3L → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực xịt rửa xe → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý khí thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học, vị trí đặt tại góc phía Tây khu vực Nhà máy, với quy trình xử lý như sau: Nước thải → Bể tách mỡ → Hồ lắng → Hồ đuổi khí → Bể

điều hoà → Bể keo tụ bậc 1 → Bể tạo bông bậc 1 → Bể lắng hoá lý bậc 1 → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí 1 → Bể sinh học hiếu khí 1 → Bể sinh học thiếu khí 2 → Bể sinh học hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ bậc 2 → Bể tạo bông bậc 2 → Bể lắng hoá lý bậc 2 → Bể khử trùng → Hồ sinh học (tuần hoàn 100% sử dụng cho sản xuất).

Tại hồ sinh học được thả thực vật thủy sinh như bèo cái, bèo tây, rau muống...những thực vật này có khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng (N, P) trong nước thải. Dung tích chứa 2.136 m³ (thời gian lưu tối đa 10-13 ngày). Tại đây nước được bơm lên tái sử dụng tuần hoàn cho dây chuyền sản xuất của Nhà máy.

Nhà máy sử dụng 02 bơm chìm, công suất mỗi bơm 20 m³/h luân phiên nhau bơm nước từ hồ sinh học dẫn nước bằng ống nhựa HDPE D110 có chiều dài khoảng 50 m đến vị trí nhà xưởng sản xuất mũ cao su SVR 3L để sử dụng cho quá trình sản xuất. Nước được lưu chứa tại 01 bể có dung tích 200 m³.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Polymer, PAC, Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom và thoát nước thải của Dự án để nước mưa không chảy tràn vào hệ thống các hồ, bể xử lý làm vượt công suất xử lý nước thải của Nhà máy.

- Các bể xử lý nước thải được xây nửa chìm nửa nổi, các hồ chứa được xây tường xung quanh các hồ chứa tối thiểu cao 30 cm để ngăn nước mưa chảy vào các hồ.

- Các máy móc, thiết bị (như: bơm, máy thổi khí,...) đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống.

- Đối với sự cố nước thải sau xử lý không đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Mức C) thì nước thải được đưa trở lại để xử lý.

- Đối với trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải trong nhiều ngày thì nước thải được đưa về hồ sự cố để lưu chứa. Hồ sự cố có diện tích: 230 m²; dung tích chứa: khoảng 758,45 m³.

Hồ sự cố có khả năng lưu chứa nước thải của Dự án khoảng 5 ngày. Ngoài ra, hồ chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung có dung tích chứa 2.136 m³ (lưu chứa nước khoảng 15 ngày) cũng có thể được sử dụng như hồ sự cố lưu trữ nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không.

* Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng, trước khi vào hồ chứa sinh học).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD, Tổng N, Amoni, Sunfua, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT (Cột C) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột B).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn tại QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2025/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động và tuần hoàn toàn bộ nước thải, không xả nước thải ra môi trường. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

3.3. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, đồng hồ theo dõi lưu lượng tuần hoàn tái sử dụng nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 263/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn, vị trí phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Từ hệ thống xử lý khí thải của lò sấy mù cốm SVR3L.
- Nguồn số 02: Từ dây chuyền phối trộn mù cao su.
- Nguồn số 03: Từ dây chuyền sản xuất dây thun.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Khí thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp được xả ra môi trường xung quanh Nhà máy bằng ống khói cao 17 m tại thôn Tân Xuân 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ: X (m): 1.857.199; Y (m): 601.681 (Hệ tọa độ VN2000, KKT: 106⁰00', mũi chiếu 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn theo ống thải thoát ra môi trường theo phương thức cưỡng bức, liên tục trong quá trình sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B). Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc	
				Định kỳ	Tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤80		
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤400		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤300		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤400		
6	Amoni (NH ₃)	mg/Nm ³	≤20		
7	Hydrosufua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤7		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Toàn bộ các nguồn phát sinh khí thải từ hoạt động sản xuất của Dự án được thu bằng quạt hút, dẫn theo đường ống PVC Ø200 dẫn về hệ thống xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công nghệ xử lý khí thải như sau: Khí thải từ hoạt động sản xuất → Quạt hút khí thải → Cyclon → Tháp hấp thụ NaOH → Quạt hút → Thải ra môi trường.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, xử lý khí thải:

+ Chụp hút được làm bằng vật liệu thép không rỉ, kích thước (3.300×1.000) mm, số lượng 03 cái (Lò sấy mù côm SVR3L; dây chuyền phối trộn cao su; dây chuyền sản xuất dây thun).

+ Đường kính ống dẫn khí chính: (800×800) mm, số lượng 03 đường ống từ 3 khu vực dẫn về hệ thống xử lý.

+ Quạt hút của hệ thống có công suất 90 kW, lưu lượng quạt hút là 8.000 m³/h, số lượng 01 quạt.

+ Tháp hấp thụ NaOH được lắp đặt sau đường ống dẫn khí chính với kích thước tháp là (1.200×1.200) mm và chiều cao là 2.300 mm. Dung dịch NaOH được cấp từ bể có dung tích 5,0 m³; số lượng: 01 tháp.

+ Cyclon lắng bụi: đường kính 600 mm, chiều cao 1500 mm, bằng thép SUS 304; dày 2 mm.

+ Chiều cao ống khói là 17 m, đường kính ống khói là 400 mm, bằng thép SUS 304; dày 2 mm; số lượng: 01 ống khói.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng thiết kế. Cán bộ vận hành các công trình xử lý được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố không vận hành được hệ thống xử lý, Dự án sẽ dừng hoạt động nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và bảo đảm hiệu quả xử lý, Dự án mới đi vào hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Thực hiện dự kiến từ tháng 01/2026 đến tháng 03/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X (m): 1.857.199; Y (m): 601.681 (Hệ tọa độ VN2000, KKT: 106°00', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu (mẫu đơn) trong 03 ngày vận hành liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ các nhà kho, nhà xưởng sản xuất và trạm xử lý nước thải

- Nhà kho, nhà xưởng sản xuất:

+ Đối với mùi hôi từ nhà kho tập kết mù tận thu trong quá trình sản xuất mù SVR3L (mù trên rây lọc, mù bị đông, mù nổi và mù ở hồ tách mù): các mù tận thu được chứa trong các thùng nhựa.

+ Kho có mái che, nền được tráng xi măng và có gờ bao xung quanh, không để nước cao su thấm xuống đất và chảy tràn ra ngoài. Toàn bộ nước thải sản xuất nhà xưởng được tách ra thành 2 đường chảy theo hệ thống các mương, có độ dốc thiết kế $i=2\%$ trong nhà xưởng. Sau đó nước thải được dẫn ra ngoài bằng hệ thống mương hộp M500 tổng chiều dài mương thoát nước sản xuất 70 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

Nhà máy sẽ tiến hành phun chế phẩm sinh học HN-FAR để khử mùi khi cần thiết với tần suất 2 lần/ngày, đối với các mù tận thu để hạn chế mùi hôi trước khi đưa trở lại dây chuyền sản xuất tại nhà máy thì liều lượng pha theo tỷ lệ 20% (1 phần chế phẩm + 4 phần nước), tức 01 lít dung dịch chế phẩm sinh học HN-FAR dạng lỏng pha với 04 lít nước.

+ Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy, dọc tường rào, dọc theo xưởng, đường đi và khu vực xử lý nước thải, để giảm mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh cụ thể là trồng 3 hàng một số loại cây tán rộng như Cây

thông, cự ly 2 - 2,5 m/cây để hạn chế mùi hôi, ngoài ra giảm thiểu tiếng ồn, thời điểm dự kiến bắt đầu trồng là trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Tổng diện tích cây xanh, cảnh quan của Dự án là 5.744 m², chiếm tỷ lệ 23,78%.

- Xưởng sản xuất:

+ Nhà xưởng được xây dựng thông thoáng kết hợp thông gió tự nhiên; thường xuyên vệ sinh nhà xưởng;

+ Lắp đặt hệ thống thông gió cưỡng bức nhằm đảm bảo độ thông thoáng cần thiết để giảm thiểu sự ảnh hưởng của mùi hôi tới sức khỏe của công nhân làm việc trong nhà xưởng. Bố trí hệ thống quạt cơ khí làm mát cưỡng bức gồm hệ thống 3-4 quạt công nghiệp loại CTS-101A (có lưu lượng L = 6.800 - 12.000 m³/h, công suất 0,55 kW) đặt dọc theo khu vực cán kéo. Với hệ thống quạt đẩy trên, hệ số trao đổi toàn bộ không khí tại khu vực cán kéo khoảng 8-14 lần/h sẽ tải bớt lượng nhiệt thừa và khí thải thoát qua mái lên cao, tạo môi trường lao động thông thoáng.

+ Sau khi kết thúc quá trình vệ sinh trong ngày làm việc, các rãnh thoát nước của nhà xưởng cũng được phun chế phẩm khử mùi sinh học để giảm thiểu mùi hôi cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường lao động.

- Trang bị bao hộ lao động cho người lao động như khẩu trang, găng tay,...

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **253** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **12** năm **2025**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất mù khối cốm SVR3L.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất phối trộn mù hỗn hợp.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất dây thun.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất mù khối cốm SVR3L. Tọa độ: X (m): 1.857.185, Y (m): 601.698.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất phối trộn mù hỗn hợp. Tọa độ: X (m): 1.857.168; Y (m): 601.687.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất dây thun. Tọa độ: X (m): 1.857.168; Y (m): 601.713.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°00', mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trước khi thi công, Chủ dự án làm việc với Nhà thầu để lên kế hoạch và tuyến đường vận chuyển.

- Xe chở nguyên vật liệu đúng trọng tải quy định, che chắn không để nguyên vật liệu rơi vãi.

- Đưa ra nội quy phương tiện giao thông ra vào Dự án, không sử dụng còi, hạn chế mức thấp nhất các khả năng có thể gây ồn.

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay (quạt thông gió), thiết kế lắp đặt các bộ phận giảm âm.

- Các thiết bị gây ồn lớn được đặt cách ly trong phòng cách âm, tách riêng biệt với khu vực sản xuất khác.

- Với các thiết bị không thể đặt cách ly được thì không liên kết với kết cấu nhà; tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các mối nối mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò so giảm chấn. Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt, bơm.

- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động), đồng thời quy định cụ thể thời gian làm việc trong một ca được rút ngắn 1-2 giờ, nghỉ giữa ca 30-45 phút, thời gian nghỉ được tính vào giờ làm việc.

- Quy hoạch trồng cây xanh trong khu vực Nhà máy. Tổng diện tích cây xanh, cảnh quan của Dự án là 5.744 m², chiếm tỷ lệ 23,78%.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Dự án.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 253/GPMT-UBND ngày 31 tháng 1 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	15
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	50
5	Hóa chất thải bỏ	Rắn	19 03 01	5
Tổng cộng				85

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy, bao bì giấy các loại	18 01 05	5
2	Nilon, bao bì nhựa thải	18 01 06	5
3	Pallet gỗ thải	11 02 02	10
4	Cao su phế phẩm	15 01 10	70
5	Mảnh vụn cao su từ hệ thống xử lý nước thải	15 01 10	60
6	Dây thun hư hỏng	15 01 10	10
Tổng cộng			160

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: chủ yếu là túi nilon, chai lọ, giấy lau, giấy vụn...
- Khối lượng: ước tính khoảng 18,5 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	15.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại và lưu trữ trong kho chứa. Tại kho chứa, thực hiện phân khu riêng biệt từng loại chất thải nguy hại và có dán nhãn (tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại theo danh mục chất thải nguy hại).

- Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại với diện tích 20 m². Kho chất thải nguy hại được bố trí tách riêng với các khu vực khác và được xây dựng đúng theo yêu cầu kỹ thuật như mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho xây dựng có mái che bằng tôn, vách tường gạch bao quanh. Trong kho có bố trí vật liệu hấp thụ chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp bị tràn đổ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi chất thải nguy hại.

- Công tác quản lý chất thải nguy hại: Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ theo quy định.

- Lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải định kì 6 tháng nạo vét một lần để làm phân bón cho cây khi không vượt ngưỡng QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; còn khi thử nghiệm xác định là chất thải nguy hại thì thu gom, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Các chất thải bao bì, thùng carton, chai lọ, được thu gom phân loại lưu trữ tại kho chất thải rắn công nghiệp có diện tích khoảng 20 m², có kết cấu tường, nền bê tông, mái lợp tôn định kì chuyển cho các đơn vị có chức năng để xử lý hoặc tái chế.

- Các sản phẩm kém chất lượng sẽ được thu gom vào khu vực kho chứa có diện tích dự kiến khoảng 20 m² (xây mới) sau khi thu gom được lưu chứa và định kỳ vận chuyển vào Nhà máy chế biến cao su Huy Anh Phong Điền để tái sử dụng cho các loại như SRV10.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Phân loại và thu gom nguồn thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020. Nội dung cụ thể:

+ Khu vực văn phòng: Mỗi phòng có 01 thùng loại nhỏ;

+ Khu vực nhà ăn: Bố trí 03 thùng loại 60 lít để chứa chất thải rắn phát sinh;

+ Khu vực nhà xưởng: Bố trí 03 thùng rác loại 120 lít tại khu vực hành lang lối ra vào nhà xưởng;

+ Các vị trí khác như hàng lang khu văn phòng, khu nhà vệ sinh, đường nội bộ của nhà máy: 03 thùng loại 120 lít.

- Đối với chất thải có khả năng tái chế: Lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường và bán phế liệu.

- Đối với chất thải hữu cơ dễ phân hủy: Ủ làm phân bón trồng cây cảnh trong khuôn viên Nhà máy.

- Đối với chất thải còn lại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 02 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Cam Lộ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 253/GPMT-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.
5. Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trong khuôn viên cơ sở phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
6. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của cơ sở; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của cơ sở.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.
8. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
9. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về chăn nuôi.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.